

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14-4-2026
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con,

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mến.

2. Bà Trần Thị Kim Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Kim Liên** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lữ Ngọc Minh Châu - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tăng Thị Cẩm T, sinh năm 1996. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Trần Quốc Đ, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tăng Thị Cẩm T trình bày: Chị và anh Trần Quốc Đ thành hôn vào năm 2016, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là xã T) tỉnh Vĩnh Long vào ngày 20/5/2016. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị và anh Trần Quốc Đ đã ly

thân từ tháng 09/2025 đến nay. Dù gia đình hai bên đã động viên, giúp đỡ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quốc Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm V, sinh ngày 16/12/2022, Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 12/3/2017 hiện đang sống với chị. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Trần Quốc Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quốc Đ trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị T về thời gian thành hôn, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Thời gian vợ chồng chung sống lúc đầu có hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được nữa, anh đồng ý ly hôn với chị Tăng Thị Cẩm T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm V, sinh ngày 16/12/2022, Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 12/3/2017. Hiện nay cháu đang sống với chị T, anh đồng ý giao 01 con chung Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 12/3/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Cẩm V, sinh ngày 16/12/2022. Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 23/3/2026, bà Huỳnh Thị S (mẹ ruột của anh Trần Quốc Đ) trình bày: Vợ chồng chị T và anh Đ thành hôn năm 2016, sau khi thành hôn vợ chồng anh Đ sống chung gia đình bà đến khi cháu Trần Thị Cẩm N được 04 tuổi. Mẹ chị T bị bệnh nên chị T và cháu N về sống với mẹ cho đến nay. Anh Đ cũng thường xuyên tới lui cùng chị T và chị T thỉnh thoảng có trở về nhà bà, từ khi chị T sinh cháu Trần Thị Cẩm V đến nay thì không có về nhà bà nên bà không biết vợ chồng anh Đ xảy ra mâu thuẫn gì. Khi chị T đã gửi đơn xin ly hôn với anh Đ, bà và gia đình có khuyên răn, hàn gắn nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Hai con chung của chị T, anh Đ từ trước đến nay sống chung với chị T, các cháu được chăm sóc chu đáo. Anh Đ có yêu cầu được nuôi con chung là Trần Thị Cẩm V nhưng hai cháu từ trước đến nay hai cháu đang sống chung với nhau, tách ra sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu. Nếu anh Đ được quyền nuôi

01 con chung, bà và gia đình sẽ phụ anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến trưởng thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Tăng Thị Cẩm T trình bày: Chị giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Hiện tại chị đang có nguồn thu nhập ổn định, có tài sản riêng, đang sống chung với mẹ có nhà ở ổn định và là con duy nhất trong nhà sẽ được nhận thừa kế phần tài sản của mẹ nên đảm bảo điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành. Anh Đ không có việc làm ổn định đang sống chung gia đình có cha mẹ và anh chị nên không đảm bảo điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Bị đơn anh Trần Quốc Đ trình bày: Thời gian anh chung sống với chị T, hàng tháng anh có đưa cho chị T từ 500.000đ đến 1.000.000đ để phụ chị T chi phí ăn uống trong gia đình anh làm thuê thu nhập không ổn định nên không được chị T và mẹ chị T tôn trọng. Từ tháng 09/2025 đến nay, anh làm thuê chủ thuê chưa trả tiền cho anh nên không có gửi tiền cho chị T để phụ chi phí nuôi con. Anh mong muốn được nuôi con chung là Trần Thị Cẩm V nhưng thu nhập anh không ổn định, chị T có tài sản và có nguồn thu nhập ổn định nên anh đồng ý để chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung, anh yêu cầu được rước con chung về chăm sóc vào những ngày cuối tuần.

Đại Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 4 – Vĩnh Long phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật;

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 9, 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia

đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tăng Thị Cẩm T.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tăng Thị Cẩm T và anh Trần Quốc Đ.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 12/3/2017 và Trần Thị Cẩm V, sinh ngày 16/12/2022 cho chị Tăng Thị Cẩm T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Quốc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn chị Tăng Thị Cẩm T và bị đơn anh Trần Quốc Đ thành hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Vĩnh Long ngày 20/5/2016 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống giữa chị Tăng Thị Cẩm T và anh Trần Quốc Đ xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài và đã ly thân từ tháng 9/2025 đến nay, cả hai không quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tăng Thị Cẩm T và bị đơn anh Trần Quốc Đ thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tăng Thị Cẩm T và bị đơn anh Trần Quốc Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Nguyên đơn chị Tăng Thị Cẩm T và bị đơn anh Trần Quốc Đ có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 12/3/2017 và Trần Thị Cẩm V, sinh ngày 16/12/2022, hiện đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, anh Đ yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Thị Cẩm V, sinh ngày 16/12/2022, đồng ý để con chung tên Trần Thị Cẩm N cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung tên Trần Thị Cẩm V và Trần Thị Cẩm N đang sống với mẹ cuộc sống ổn định,

việc thay đổi môi trường sống có thể ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của cháu. Tại phiên tòa, chị T cung cấp chứng cứ về khả năng kinh tế đảm bảo điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành. Anh Đ trình bày trong thời gian anh và chị T chung sống anh có đưa tiền chị T nhưng không đủ chi phí chăm sóc nuôi dưỡng con chung, hiện tại thu nhập anh không ổn định nên đồng ý giao 02 con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó, việc giao 02 con chung tên Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 12/3/2017 và Trần Thị Cẩm V, sinh ngày 16/12/2022 cho chị Tăng Thị Cẩm T chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con và phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị Tăng Thị Cẩm T là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu anh Trần Quốc Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tăng Thị Cẩm T và anh Trần Quốc Đ không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Tăng Thị Cẩm T và bị đơn anh Trần Quốc Đ mỗi người có nghĩa vụ nộp 75.000đ án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 9, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tăng Thị Cẩm T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tăng Thị Cẩm T và anh Trần Quốc Đ.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 12/3/2017 và Trần Thị Cẩm V, sinh ngày 16/12/2022 cho chị Tăng Thị Cẩm T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Quốc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Tăng Thị Cẩm T có nghĩa vụ nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003615 ngày 04/03/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, còn lại 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) trả lại cho chị T.

Buộc anh Trần Quốc Đ có nghĩa vụ nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân KV4-VL;
- Phòng THA DS Khu vực 4-VL;
- UBND xã Trà Côn (GCNKH số 53/2016 ngày 20/5/2016)
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Nga